VẬT TƯ CẤP MỚI

STT	Vị trí TBA	Công suất (kVA)	MSTS	Cáp CXH 25mm2-24kV	Cáp CV 70mm2-0,6/1kV	Cáp CV 120mm2-0,6/1kV	Cáp CV 150mm2-0,6/1kV	Cáp CV 185mm2-0,6/1kV	Cáp CV 240mm2-0,6/1kV	Cáp đồng bọc CVV 3x4 + 1x2,5mm2 - 0,6/1kV	Kẹp quai dạng ép 50-70	Kẹp quai dạng ép 150-240	Kẹp hotline 25-70	Kẹp WR835	Băng keo hạ thế	Đầu cosse ép Cu 4mm2	Đầu cosse ép Cu 25mm2	Đầu cosse ép Cu 70mm2	Đầu cosse ép Cu 120mm2	Đầu cosse ép Cu 150mm2	Đầu cosse ép Cu 185mm2	Đầu cosse ép Cu 240mm2	LA 18KV - 10kA - Polymer	FCO 22kV-100A-Polyme	LBFCO 22kV-100A-Polyme	MCCB 250A	MCCB 320A	MCCB 400A	MCCB 500A	MCCB 630A	MCCB 1000A
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 2																													
1	480XM/26	400	1.37010100.0010065	21							3		3				17						3	3					1		
2	480XM/59/13A	250	VTA-0020498							4	3		3			12	17						3	3							
3	473XM/356	250	1.37010100.0017880										-										3	3							
4	478XM/143	400	1.37010100.0010066									3	3				17						3	3							
5	477AN/61/9/4	320	1.37013000.0007621								3		3																		
6	477AN/103	320	1.37010100.0006951									3	3				17						3		3						
7	477AN/151	400	1.37013000.0006942					72					-	16	6		17				18		3	3			2				
8	477AN/176/30	320	1.37013000.0006147								3		3				17						3	3							
9	479AN/96/10	320	1.37010100.0002876	8						4	3		3	8	4	12	17						3	3							
10	479AN/107	630	1.37013000.0002550	27								3	3				17						3	3							
11	479AN/125	630	1.37013000.0002550	27						4		3	3			12	17						3	3							1
12	479AN/136	400	1.37013000.0002550	12						4		3	3			12	17						3	3						1	
13	479AN/144/9/3	250	1.37013000.0004808								3		3				17						3	3				1			
14	479AN/156	400	1.37013000.0002550	27									-				17						3	3							
15	481AN/126/6	630	1.37013000.0002549	21						4			-			12	17						3	3							
16	481AN/126/4/7	750	1.37013000.0002631										-				17						3	3							
17	481AN/126/24	400	1.37013000.0002549	17								3	3				17						3	3						1	
18	481AN/126/44	750	1.37013000.0002549	27							3		3	16	4		17						3		3						
19	481AN/126/11/3/12	225	1.37013000.0002833	9			46,5				3		3	8	4		17			6			3	3							
20	481AN/126/11/4	150	1.37013000.0002833								3		3				17						3	3							
21	481AN/126/11/16	630	1.37013000.0002631	18					29				-	16	4		17					12	3	3							
22	473AN/79/9/17	250	1.37012000.0000336						23			3	3									6						1			
23	473AN/103/47	250	1.37012000.0000263										-	8	3		17					3	3	3				1			
24	475AN/87/6	250	1.37013000.0005553								3		3				17						3								
25	478AN/477AN/34	250	1.37013000.0010046										-				17						3								
26	479AN/166	250	ĐIỀN MTS	19							3		3				17						3	3							
27	472LĐ/92	250	1.37010100.0006119									3	3				17						3	3							
28	473LĐ/39A	160	1.37010100.0002992									3	3																		
29	474LĐ/57A/11	250	1.37010100.0007467								3		3																		
30	474LĐ/82/3	160	1.37010100.0002986										-												3						
31	474LĐ/82/6	160	1.37013000.0003679										-				17						3	3							
32	471LĐ/152	150	1.37010100.0003287	12								3	3				17														
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 1																													
1	71NG/195/42	250	1.37010100.00 04421		10										2			12					3			2					
2	71NG/195/79	250	1.37010100.00 04422																				3	3							
3	77NG/56/7A	250	1.37010100.00 01919																				3								
4	77NG/56/11/3T	250	1.37010100.00 05725																				3								
5	77NG/56/11/5F	250	1.37010100.00 05725																				3								
6	77NG/158/1T	3x50	1.37010100.00 05662																				3	3		1					
7	77NG/162	3x37.5	1.37010100.00 05662																				3	3							
8	77NG/242/1	160	1.37010100.00 00991																				3								
9	77NG/248/1	160	1.37010100.00 00990																				3								
10	77NG/70	400	1.37010100.00 01923												8								3		3						
11	473CĐ1/109/17	160	1.37013000.00 07525																				3								
12	473CĐ1/146/6/1A	160	1.37010100.00 01016												4								3								
13	473CĐ1/146/6/8	250	1.37010100.00 01016												4								3								
14	479CĐ1/182/14	160	1.37013000.00 04137																				3								
15	475NG/100	560	1.37010100.00 03508																				3								
16	475NG/126A	250	1.37010100.00 01882																				3	3							
17	475NG/141A	320	1.37010100.00 03712		11	33								8				3	9				3	2							
18	475NG/190	320	1.37010100.00 01747																				3	3							
19	475NG/249A	250	1.37010100.00 03713																				3	3							
20	475NG/265	250	1.37013000.00 00986																				3								
21	473NG/67	560	1.37010100.00 06882																				3								
22	473NG/88	160	1.37010100.00 08056																				3								
23	473NG/96	160	1.37010100.00 06176																				3								
24	473NG/125	160	1.37010100.00 00243												4								3	3		1					
25	473NG/129	100	1.37010100.00 02951												4								3	3							
26	477NG/158/67A/1T	560	1.37010100.00 01864												4								3	3							
27	477NG/158/126	250	1.37013000.00 05904											16									3	3							
	Tổng			245	21	33	46,5	72	51	20	36	30	66	96	55	60	442	15	9	6	18	21	159	98	12	4	2	3	1	2	1

VẬT TƯ CẤP MỚI (tiếp)

STT	Vị trí TBA	Nắp chụp cách điện bảo vệ đầu cực FCO	Nắp chụp cách điện bảo vệ đầu cực LBFCO	Nắp chụp cách điện bảo vệ đầu cực LA	Nắp chụp cách điện bảo vệ đầu cực MBA	Nắp chụp cách điện kẹp quai	Băng keo cách điện trung thế	Dây chì 8K	Dây chì 10K	Dây chì 15K	Dây chì 20K	Dây chì 25K	Dây chì 30K	Bass bắt FCO-LA-tole 8ly (BassLI)	Đà kép composite 75x75x6 x3m	Đà đơn composite 75x75x6 x3m	Bộ đà Đ.H24.C75	Đà đơn Composite X24C	Bộ dầm đà trạm giàn (U160x68x5,0-2,2m)	Bộ dầm đà trạm giàn (U200x80x5,2-2,4m)	Bộ dầm đà trạm giàn (U160x68x5,0-3m)	Bộ dầm đà trạm giàn (U200x80x5,2-3m)	Cách điện đứng Polymer 24kV + ty, có kẹp dây	Tiếp địa trạm biến áp:	Ống nhựa cứng uPVC 114x5mm	Co 90 ống uPVC 114	Côđê Inox PL40x4-D280 kẹp 2 ống PVC 114 (trụ đơn)	Côđê Inox PL40x4-D280 kẹp 2 ống PVC 114 (trụ kép)	Tủ điện kế (630*450*420) composite	Vỏ tủ điện Composite (1050*600*400)	Tủ điện Composite 900x700x450-2 ngăn
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 2																														
1	480XM/26	3		3	3	3					3			6	1									1						1	
2	480XM/59/13A	3		3	3	3			3															1							1
3	473XM/356	3		3	3				3															1							
4	478XM/143	3		3	3	3					3													1							
5	477AN/61/9/4					3																								1	
6	477AN/103		3	3	3					3																					
7	477AN/151	3		3	3		1				3													1	24	12		4			
8	477AN/176/30					3				3													3	1							
9	479AN/96/10	3		3	3					3				6	1	1							6	1	8	6	2		1	1	
10	479AN/107	3		3	3	3	1						3										3	1							
11	479AN/125	3		3	3	3							3										6	1						1	
12	479AN/136	3		3	3	3	1				3													1						1	
13	479AN/144/9/3	3		3	3	3			3															1							
14	479AN/156	3		3	3	3					3			6	1	1							3	1					1	2	
15	481AN/126/6	3		3	3								3							1			9	1	8	12	3				1
16	481AN/126/4/7	3		3	3								3										3	1						2	
17	481AN/126/24	3		3	3	3					3											1	6	1	8	6	2			1	
18	481AN/126/44		3	3		3							3										3	1	12	12	4			2	
19	481AN/126/11/3/12	3		3	3				3					6				1						1	8	6	2				
20	481AN/126/11/4	3		3	3	3		3																1						1	
21	481AN/126/11/16	3		3	3		1						3									1	3	1	10	6	4			2	
22	473AN/79/9/17					3																		1							
23	473AN/103/47	3		3	3				3					6	1	1							3	1	8	6	2			1	
24	475AN/87/6			3	1	3																	5	1							
25	478AN/477AN/34	3		3	3	3																		1	10	6	3				1
26	479AN/166	3		3					3					3			1		1				3	1							
27	472LĐ/92	3		3	3	3			3														6								
28	473LĐ/39A		3	3	3	3																									
29	474LĐ/57A/11	3		3	3	3																		1							
30	474LĐ/82/3		3	3	3	3		3																1							
31	474LĐ/82/6	3		3	3				3																1							
32	471LĐ/152	3		3	3	3																									
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 1																														
1	71NG/195/42								3															1							2
2	71NG/195/79	3		3					3					6										1	14	6		4			1
3	77NG/56/7A								3															1							
4	77NG/56/11/3T								3															1							2
5	77NG/56/11/5F								3															1							2
6	77NG/158/1T	3						3						6										1	14	4					1
7	77NG/162	3		3				3						6										1	14	4					1
8	77NG/242/1							3						3										1							
9	77NG/248/1							3																1							1
10	77NG/70		3	3							3			6								1		1	12	12	4				1
11	473CĐ1/109/17							3																1							2
12	473CĐ1/146/6/1A	3		3	3			3																1	12	6	8				1
13	473CĐ1/146/6/8			3					3													1		1							1
14	479CĐ1/182/14							3																1							
15	475NG/100			3								3												1							
16	475NG/126A	3		3	3				3															1							
17	475NG/141A									3														1	16	4		4				
18	475NG/190	3		3						3														1	12	6	4				1
19	475NG/249A								3															1							2
20	475NG/265								3															1	12	4					
21	473NG/67	3		3								3												1	16	8	4				1
22	473NG/88	3						3																1	16	8					2
23	473NG/96	3						3																1	16	16	8				2
24	473NG/125	3		3				3																1	8	8	4				2
25	473NG/129	3		3				3							1	2					1			1	8	6	4				1
26	477NG/158/67A/1T	3		3								3										1		1	8	4	4				1
27	477NG/158/126	3		3					3															1	8	4	4				1
	Tổng	111	15	126	85	63	4	42	51	15	21	9	18	60	5	5	1	1	1	1	1	5	62	54	282	172	66	12	2	16	31

VẬT TƯ THU HỒI

STT	Vị trí TBA	Tháo thu hồi Cáp CXV 25mm2	Tháo thu hồi Dây đồng bọc CVV 4x2,5mm2 - 0,6/1kV	Tháo thu hồi Cáp ACX50mm2-24kV	Tháo thu hồi Kẹp quai + hotline	Tháo thu hồi Cáp AV95mm2	Tháo thu hồi Cáp CV70 mm2	Tháo thu hồi Cáp CV95 mm2	Tháo thu hồi Cáp CV120 mm2	Tháo thu hồi Cáp CV150 mm2	Tháo thu hồi Cáp CV 240mm2	Thanh Busbar đồng (m)	Tháo thu hồi LA - 18kV	Tháo thu hồi FCO sứ - 100A	Tháo thu hồi FCO polymer - 100A.	Tháo thu hồi LBFCO polymer - 100A.	Tháo thu hồi Sứ đứng Polymer 24kV + ty	Tháo thu hồi Sứ đứng gốm 24kV + ty	Tháo thu hồi Dầm đà U120-2,4m (bộ)	Tháo thu hồi Dầm đà U160-3m (bộ)	Tháo thu hồi Dầm đà U180-3m (bộ)	Tháo thu hồi Dầm đà U200-2,4m (bộ)	Tháo thu hồi Thùng sắt đơn	Tháo thu hồi Thùng sắt 2 ngăn	Tháo thu hồi Thùng Composite	Tháo thu hồi Đà đơn composite 3m (cây)	Tháo thu hồi Đà sắt V75x75-2,1m (cây)	Tháo thu hồi Đà sắt 2,4m (bộ)	Tháo thu hồi Đà sắt 3m (cây)	Tháo thu hồi MCCB 200A	Tháo thu hồi MCCB 250A	Tháo thu hồi MCCB 320A	Tháo thu hồi MCCB 350A	Tháo thu hồi MCCB 400A	Tháo thu hồi MCCB 500A	Tháo thu hồi MCCB 630A
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 2																																			
1	480XM/26	19											3		3										1	2										1
2	480XM/59/13A		2		3								3		3									1												
3	473XM/356												3		3																					
4	478XM/143												3		3																					
5	477AN/61/9/4																								1											
6	477AN/103				3								3			3																				
7	477AN/151						1	43					3		3																2					
8	477AN/176/30				3								3		3			3																		
9	479AN/96/10	7	2		3								3		3		6						2						3							
10	479AN/107	27											3		3		3																			
11	479AN/125	27	2		3								3		3			6							1											1
12	479AN/136	12	2										3		3										1											1
13	479AN/144/9/3				3								3		3																				1	
14	479AN/156	27											3		3			3					1		2	1			1							
15	481AN/126/6	21	3										3		3		9					1			2											
16	481AN/126/4/7												3		3			3							2											
17	481AN/126/24	17											3		3		3	3		1			1												1	
18	481AN/126/44	27											3			3		3							2											
19	481AN/126/11/3/12			1,5				42					3		3													1								
20	481AN/126/11/4												3		3										1											
21	481AN/126/11/16	18						2,5		9			3		3		3								2											
22	473AN/79/9/17										1,5	1,5																						1		
23	473AN/103/47								14				3		3		3			1					1				3			1					
24	475AN/87/6				3								3					5																		
25	478AN/477AN/34												3											1												
26	479AN/166												3		3			3	1								1									
27	472LĐ/92												3		3		6																			
28	473LĐ/39A																																			
29	474LĐ/57A/11																																			
30	474LĐ/82/3															3																				
31	474LĐ/82/6												3		3																					
32	471LĐ/152	12																																		
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 1																																			
1	71NG/195/42											10	3											2							1		1				
2	71NG/195/79												3	3										1												
3	77NG/56/7A												3																								
4	77NG/56/11/3T												3											2												
5	77NG/56/11/5F												3										2													
6	77NG/158/1T												3		3									1						1						
7	77NG/162												3	1	2								1													
8	77NG/242/1												3																								
9	77NG/248/1												3											1												
10	77NG/70												3		3						1		1		1											
11	473CĐ1/109/17												3											2												
12	473CĐ1/146/6/1A												3												1											
13	473CĐ1/146/6/8												3								1				1											
14	479CĐ1/182/14												3																								
15	475NG/100												3																								
16	475NG/126A												3	3																							
17	475NG/141A					40							3	2																							
18	475NG/190												3	3									2													
19	475NG/249A												3	3									1	1												
20	475NG/265												3																								
21	473NG/67												3										2													
22	473NG/88												3											1	1											
23	473NG/96												3											1	1											
24	473NG/125												3		3									2										1		
25	473NG/129												3		3					1					1				4							
26	477NG/158/67A/1T												3	1	2						1		1		1											
27	477NG/158/126												3		3									1												
	Tổng	214	11	1,5	21	40	1	88	14	9	2	12	159	16	85	9	33	29	1	3	3	1	14	17	23	3	1	1	11	1	3	1	1	2	2	3

THÁO LẮP LẠI

STT	Vị trí TBA	Tháo lắp lại TBA 100KVA	Tháo lắp lại TBA 250KVA	Tháo lắp lại TBA 400KVA	Tháo lắp lại TBA 560KVA	Tháo lắp lại TBA 630KVA	Tháo lắp lại Dầm đà U160-3m (bộ)	Tháo lắp lại Cáp CV 95mm2-0,6/1kV	Tháo lắp lại Cáp CV 120mm2-0,6/1kV	Tháo lắp lại Cáp CV 240mm2-0,6/1kV	Tháo lắp lại MCCB 200A	Tháo lắp lại MCCB 250A	Tháo lắp lại MCCB 400A	Tháo lắp lại MCCB 500A	Tháo lắp lại MCCB 630A	Ghi chú
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 2															
1	480XM/26															
2	480XM/59/13A												1			
3	473XM/356															
4	478XM/143															
5	477AN/61/9/4														1	
6	477AN/103															
7	477AN/151							11								11m CV95mm2 giữ lại làm dây trung hòa lên + xuống
8	477AN/176/30															
9	479AN/96/10									27			1			
10	479AN/107															
11	479AN/125															
12	479AN/136															Cáp CX25mm2 thay từ lưới trung thế đến LA và FCO
13	479AN/144/9/3															
14	479AN/156											2				
15	481AN/126/6					1				27			2			
16	481AN/126/4/7														2	
17	481AN/126/24			1						27						
18	481AN/126/44							18		23		1			1	
19	481AN/126/11/3/12															
20	481AN/126/11/4											1				
21	481AN/126/11/16					1	1			12			1		1	- Cáp CV240mm2 từ MBA xuống thay chuyển thành táp lên 1 lộ từ MCCB lên lưới - Dầm đà MBA SDL cho vị trí 473AN/103/47
22	473AN/79/9/17									16,5						Tháo lắp lại cáp CV240 cho TBA T1 Tam Phước
23	473AN/103/47		1					8	15							Cáp CV240 SDL từ TBA 473AN/79/9/17 thay lộ từ MBA đến MCCB - Dầm MBA SDL từ 481AN/126/11/16
24	475AN/87/6															
25	478AN/477AN/34							60					1			
26	479AN/166		1													
27	472LĐ/92															
28	473LĐ/39A															
29	474LĐ/57A/11															
30	474LĐ/82/3															
31	474LĐ/82/6															
32	471LĐ/152															
I	KHU VỰC ĐỘI QLLĐ 1															
1	71NG/195/42															
2	71NG/195/79								48							
3	77NG/56/7A															
4	77NG/56/11/3T											2				
5	77NG/56/11/5F												1			
6	77NG/158/1T															
7	77NG/162											1				
8	77NG/242/1															
9	77NG/248/1										1					
10	77NG/70			1											1	
11	473CĐ1/109/17										2					
12	473CĐ1/146/6/1A										1					
13	473CĐ1/146/6/8		1									1				
14	479CĐ1/182/14															
15	475NG/100															
16	475NG/126A															
17	475NG/141A															
18	475NG/190													1		
19	475NG/249A															
20	475NG/265								48							
21	473NG/67									48					1	
22	473NG/88										2					
23	473NG/96										2					
24	473NG/125															
25	473NG/129	1						48			1					
26	477NG/158/67A/1T				1										1	
27	477NG/158/126												1			
	Tổng	1	3	2	1	2	1	145	111	180	9	8	8	1	8	